

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc
thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện,
UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2697/QĐ-BCT ngày 18/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 3355A/QĐ-BCT ngày 29/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 4707/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-BCT ngày 17/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thủ tục hành chính sửa đổi hoặc bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-BCT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực thương mại quốc tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-BCT ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (*phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Bãi bỏ 45 thủ tục hành chính ban hành tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (*phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP11/

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Quang Thìn



Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

Được ban hành theo Quyết định số: **304/QĐ-UBND** ngày **30 tháng 5 năm 2018**
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG					
1	Thủ tục Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
II. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ					
1	Thủ tục Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	3.000.000 đồng/1 giấy phép	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính.

2	Thủ tục Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	1.500.000 đồng/1 giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính.
3	Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	1.500.000 đồng/1 giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính.
4	Thủ tục Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	1.500.000 đồng/1 giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính.
5	Thủ tục Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương.

6	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; Luật đầu tư ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ
7	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	28 (hai mươi tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; Luật đầu tư ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ
8	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	28 (hai mươi tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương 12/6/2017; Luật đầu tư 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ

9	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	28 (hai mươi tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương 12/6/2017; Luật đầu tư 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ
10	Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương 12/6/2017; Luật đầu tư ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ
11	Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	28 (hai mươi tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương 12/6/2017; Luật đầu tư 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ

12	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương 12/6/2017; Luật đầu tư 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ
13	Thủ tục Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; Luật đầu tư ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ
14	Thủ tục Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	55 (năm mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục ENT	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; Luật đầu tư ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ

15	Thủ tục Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; Luật đầu tư ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ
16	Thủ tục Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương 12/6/2017; Luật đầu tư 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ
17	Thủ tục Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương 12/6/2017; Luật đầu tư 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ

18	Thủ tục Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	55 (năm mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương 12/6/2017; Luật đầu tư 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ
19	Thủ tục Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương 12/6/2017; Luật đầu tư 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ
20	Thủ tục Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương 12/6/2017; Luật đầu tư 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ

21	Thủ tục Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	55 (năm mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; Luật Quản lý ngoại thương 12/6/2017; Luật đầu tư 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ
----	--	--	--------------------------------	-------	--

III. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

1.	Thủ tục Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài chính.
2.	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài chính.
3.	Thủ tục Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 0 đồng - Cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài chính.

4.	Thủ tục Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
5.	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.
6.	Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 0 đồng. - Cấp lại giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: <ul style="list-style-type: none"> + Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

7.	Thủ tục Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương.
8.	Thủ tục Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương.
9.	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương.

10.	Thủ tục Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
11.	Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp lại giấy phép do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 0 (không) đồng. - Cấp lại giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: + Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

12.	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương.
13.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương.
14.	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

15.	Thủ tục Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ Công Thương;
16.	Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp lại Giấy xác nhận do bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác: Không thu phí 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ Công Thương;
17.	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính

18.	Thủ tục Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ Công Thương.
19.	Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp lại Giấy xác nhận do bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác: Không thu phí 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ Công Thương.
20.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính

21.	Thủ tục Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ Công Thương.
22.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp lại Giấy xác nhận do bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác: Không thu phí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ Công Thương;
23.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

24.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
25.	Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
26.	Thủ tục Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
27.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	- Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
28.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.

29.	Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
30.	Thủ tục Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
31.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	- Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
32.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
33.	Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
34.	Thủ tục Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.

35.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	- Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
36.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
37.	Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
38.	Thủ tục Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.

39.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng. - Hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 400.000 đồng. - Hộ kinh doanh tại các khu vực khác: 200.000 đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính
40.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
41.	Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
42.	Thủ tục Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.

43.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đ. - Hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 400.000 đ. - Hộ kinh doanh tại các khu vực khác: 200.000 đ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính
44.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
45.	Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
46.	Thủ tục Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.

47.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	- Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
48.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
49.	Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
50.	Thủ tục Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.

51.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/lần thăm định. - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/ điểm kinh doanh/lần thăm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
52.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
53.	Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
54.	Thủ tục Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
55.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/lần thăm định. - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/ điểm kinh doanh/lần thăm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

56.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
57.	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
58.	Thủ tục Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
59.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	- Doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Doanh nghiệp kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
60.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.

61.	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
62.	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương.
63.	Thủ tục tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Biểu mẫu theo quy định, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu thương nhân giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì thương nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký. - Thời hạn rà soát nội dung văn bản giải trình của thương nhân tối đa không quá 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản giải trình tính theo dấu công văn đến của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu. Hết thời hạn nêu trên, nếu cơ quan tiếp nhận không có văn bản yêu cầu thương nhân giải trình lại thì thương nhân được điều chỉnh giá theo mức giá và thời gian điều chỉnh đã đề xuất. 	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; - Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sửa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi

64.	<p>Thủ tục tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương</p>	<p>- Đối với Biểu mẫu nộp trực tiếp: Trường hợp Biểu mẫu có đủ thành phần, số lượng theo quy định, cán bộ tiếp nhận hồ sơ đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào Biểu mẫu và trả ngay 01 bản Biểu mẫu cho thương nhân đến nộp trực tiếp;</p> <p>- Đối với Biểu mẫu nộp gián tiếp, trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào Biểu mẫu và gửi ngay 01 bản cho thương nhân, Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, tối đa không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho thương nhân để bổ sung thành phần, số lượng Biểu mẫu.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá có trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ thành phần nội dung Biểu mẫu theo quy định và nộp lại cho Sở Công Thương trong vòng tối đa 5 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận thông báo bổ sung hồ sơ.</p>	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; - Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sửa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi
-----	---	--	-----------------------------------	-------	--

IV. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

1	Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Theo quy định tại Điều 3 Thông tư 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ; - Nghị định 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ; - Thông tư 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công thương; - Thông tư 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ Công Thương; - Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính
2	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Theo quy định tại Điều 3 Thông tư 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ; - Nghị định 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ; - Thông tư 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công thương; - Thông tư 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính.

3	Thủ tục cấp lại Giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Theo quy định tại Điều 3 Thông tư 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ; - Nghị định 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ; - Thông tư 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công thương; - Thông tư 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính.
4	Thủ tục cấp đăng ký giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ; - Nghị định 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ; - Thông tư 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công thương; - Thông tư 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ Công Thương; - Quyết định số 51/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương.

V. LĨNH VỰC ĐIỆN

1	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	800.000 đồng	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ Công thương;- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
2	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	400.000 đồng	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ Công thương;- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
3	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	2.100.000 đồng	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ Công thương;- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
4	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	1.050.000 đồng	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ Công thương;- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

5	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	700.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ Công thương; - Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
6	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	350.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ Công thương; - Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
7	Thủ tục cấp Giấy phép Hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	800.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ Công thương; - Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
8	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép Hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	400.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ Công thương; - Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

9	Thủ tục cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định 137/2013/NĐ-CP CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công thương; - Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công thương.
---	--	--	--------------------------------	-------	---

VI. LĨNH VỰC HÓA CHẤT

1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	1.200.000 đồng	- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương; - Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương; - Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
3	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	1.200.000 đồng	- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương; - Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	1.200.000 đồng	- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương; - Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
5	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương; - Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
6	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	1.200.000 đồng	- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương; - Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

VII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH

1	Thủ tục Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ.
2	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ
3	Thủ tục Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ
4	Thủ tục Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ



H. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
LIÊN TỤC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC					
1	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài chính.
2	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài chính.
3	Thủ tục Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	- Cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 0 đồng - Cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài chính.
4	Thủ tục Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại các	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

				khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.	
5	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.
6	Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	- Cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 0 đồng. - Cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: + Doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định. + Doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

7	Thủ tục Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện/Thành phố thuộc tỉnh	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
8	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện/Thành phố thuộc tỉnh	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.
9	Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện/Thành phố thuộc tỉnh	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 0 đồng. - Cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: + Doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại các 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

				khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.	
10	Thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định. - Doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
11	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương.
12	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	- Cấp lại giấy phép do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 0	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

				<p>(không) đồng.</p> <p>- Cấp lại giấy phép do hết thời hạn hiệu lực:</p> <p>+ Doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>+ Doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p>	<p>15/01/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.</p>
--	--	--	--	---	--



Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ, HỦY BỎ HOẶC THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC	Ghi chú
I	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ			
1		Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thay thế Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25/7/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về VPĐD, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và bãi bỏ Điều 2 Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính tại một số Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại.	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
2		Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		
3		Thủ tục Điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		
4		Thủ tục Gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC	Ghi chú	
II					
LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC					
1.		Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu thay thế Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	
2.		Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)			
3.		Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)			
4.		Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu			
5.		Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu			
6.		Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu			
7.		Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai			Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí thay thế Nghị định số 107/2009/NĐ-CP ngày 26/11/2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng và Điều 2 Nghị định số 118/2011/NĐ-CP ngày 16/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng
8.		Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)			
9.		Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào ô tô			

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC	Ghi chú
10.		Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng cho cửa hàng bán LPG chai		
III LĨNH VỰC HÓA CHẤT				
1		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp		
2		Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất thay thế Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP.	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
3		Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp		
4		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC	Ghi chú
5		Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp		
6		Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp		
7		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp		
8		Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp		
9		Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất thay thế Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP.	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC	Ghi chú
10		Xác nhận biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp		
11		Xác nhận khai báo hóa chất sản xuất		
12		Thủ tục cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất	Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất bãi bỏ Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22/10/2014 quy định về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất	
13		Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất		
IV	LĨNH VỰC ĐIỆN			
1		Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	Thông tư số 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thay	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC	Ghi chú
2		Thủ tục cấp Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương;	thể Thông tư số 10/2015/TT-BCT ngày 29/5/2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực	danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
3		Cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương		
4		Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương		
5		Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương		
V	LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU			
1		Thủ tục Xác nhận bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công	Thông tư số 14/2017/TT-BCT ngày 28/8/2017 của Bộ Công Thương về việc bãi bỏ Thông tư số 12/2015/TT-BCT ngày	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC	Ghi chú
			12/06/2015 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định việc áp dụng chế độ cấp Giấy phép nhập khẩu tự động với một số sản phẩm thép	Ninh Bình
VI	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG			
1		Thủ tục tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn nhóm B, C	Chuyển thẩm quyền thuộc Sở Xây dựng	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
VII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH			
1		Thủ tục Xác nhận Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp	Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ thay thế Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2		Thủ tục Xác nhận Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ thay thế Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC	Ghi chú
I	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC		
1	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu thay thế Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		
3	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		
4	Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu		
5	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu		
6	Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu		



C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

		Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC	Ghi chú
I	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC			
1		Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu thay thế Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
2		Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại		
3		Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại		